

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/DS-PT
Ngày 30 - 12 - 2022
V/v T/c quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Thương.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Phương;
Ông Lê Văn Luật.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhật Ánh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tô Ly- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 46/2022/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh Văn T và bà Nguyễn Thị T; cùng địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện A, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trịnh Văn M; địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện A, tỉnh Quảng Trị; là người đại diện theo uỷ quyền (*Văn bản uỷ quyền ngày 18/01/2022*); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn N- Văn phòng Luật sư Trần và Cộng sự; địa chỉ số 117B đường Hùng Vương, Phường 5, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Trịnh Vũ M và bà Nguyễn Thị C; cùng địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện A, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Thị Hoàng M; địa chỉ: Số 43 M, Phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; là người đại diện theo uỷ quyền (*Văn bản uỷ quyền ngày 12/01/2022*); có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã S, huyện A, tỉnh Quảng Trị; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Trịnh Văn T - là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trịnh Văn T và bà Nguyễn Thị T trình bày:

Năm 2005, vợ chồng ông T và bà T làm đơn xin giao đất nông nghiệp đối với thửa đất tại Thôn K, xã S, huyện A, tỉnh Quảng Trị với diện tích 5ha; vị trí thửa đất: phía Đông, phía Tây, phía Nam giáp mặt hồ K và phía Bắc giáp rừng trồng dự án Việt Đức của anh Nguyễn Viết C. Trước lúc xin giao, đất còn nguyên sơ, sau khi thẩm tra, xem xét thửa đất theo đơn yêu cầu của ông T tại thực địa, ngày 04/01/2005, Ủy ban nhân dân (*sau đây viết tắt UBND*) xã S đồng ý giao cho ông T thửa đất số 03, tờ bản đồ số 44, diện tích khoảng 50.000m², có sơ đồ bản vẽ kèm theo (*hiện tại thửa đất trên được chỉnh lý thành thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44, diện tích 15.458m², địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện A, tỉnh Quảng Trị*). Sau khi được UBND xã S giao đất, ông T, bà T đã tiến hành phát quang và trồng tràm trên toàn bộ diện tích đất.

Diện tích tranh chấp theo kết quả thẩm định tại chỗ ngày 20/7/2022 là 11.227,6m²; giá trị thửa đất 100.000.000 đồng, có vị trí: phía Đông giáp mặt hồ K, phía Tây giáp mặt hồ K, phía Nam giáp mặt hồ K và phía Bắc giáp đất ông Trịnh Văn T đang trồng rừng.

Ngày 22/3/2005, giữa vợ chồng ông T và ông Trịnh Vũ M phát sinh tranh chấp và được UBND xã S tổ chức hòa giải. Tại phiên hòa giải, sau khi được UBND xã S giải thích về việc UBND xã giao đất cho hai gia đình, hai gia đình đã thống nhất về việc sử dụng đất. Ông T là người được UBND xã S giao sử dụng đối với thửa đất số 03, tờ bản đồ số 44, theo đơn xin giao đất nông nghiệp ngày 01/01/2005, ông Trịnh Vũ M sử dụng đồi đảo còn lại theo đơn xin giao đất lâm nghiệp lập ngày 16/12/2002, hai gia đình đồng ý việc hòa giải, nhất trí ký vào biên bản và thống nhất không tranh chấp gì về sau.

Sau phiên hòa giải, gia đình ông T tiếp tục sử dụng diện tích đất trên và không phát sinh tranh chấp với ai, ông M sử dụng đồi đảo còn lại, giữa hai gia đình không phát sinh tranh chấp nào.

Năm 2013, ông M tự ý khai thác cây trên thửa đất số 3, tờ bản đồ số 44, khi phát hiện sự việc ông T đã làm đơn gửi đến UBND xã S. UBND xã S đã tiến hành kiểm tra và quyết định đình chỉ khai thác rừng trái phép đối với ông M.

Năm 2020, gia đình ông M thực hiện việc trồng mới cây Tràm trên diện tích đất trên, sự việc bị gia đình ông T phát hiện phản ánh, kiến nghị lên UBND xã S. Ủy ban đã tiến hành kiểm tra, lập biên bản xác minh và đình chỉ việc trồng cây đối với gia đình ông M.

Như vậy, thửa đất ông T, bà T đang sử dụng đã được UBND xã S giao ngày 04/01/2005 và sử dụng từ đó cho đến nay đã được ông M và UBND xã S thừa nhận. Ngày 28/9/2020, gia đình ông M tự ý trồng cây tràm trên một phần diện tích 11.227,6m² đất của thửa đất số 3, tờ bản đồ số 44 thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông T. Hành vi trên của ông M xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, bà T.

Vì vậy, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trịnh Vũ M, bà Nguyễn Thị C di dời toàn bộ cây tràm trên thửa đất số 6, tờ bản đồ số 44 và trả lại diện tích 11.227,6m², địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện A, tỉnh Quảng Trị cho ông Trịnh Văn

T, bà Nguyễn Thị T.

Bị đơn ông Trịnh Vũ M và bà Nguyễn Thị C trình bày:

* Về nguồn gốc và quá trình sử dụng diện tích 11.694m², thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44, địa chỉ thửa đất: xã S, huyện A, tỉnh Quảng Trị:

- *Thứ nhất:* Năm 1999- 2002, HĐND xã S có Nghị quyết khuyến khích dân khai hoang diện tích đất hoang hóa còn lại để phủ xanh đất trống, đồi núi trọc; giai đoạn này thấy đất chưa có giá trị nên chỉ có một số bà con trong đó có vợ chồng ông Trịnh Vũ M tận dụng khai hoang. Quá trình tìm đất để khai hoang, ông M thấy ở giữa hồ K có 02 đồi đất đang để trống nên ông M quyết tâm xin để trồng Tràm.

Ngày 30/3/2002, ông M làm đơn xin nhận 02 đồi đất giữa Hồ chứa nước K khoảng 3 ha (*Sau này đo thực tế 01 đồi có diện tích 15.458m² thuộc thửa số 05, tờ bản đồ số 44; 01 đồi có diện tích 11.694m² thuộc thửa số 06, tờ bản đồ số 44*) và được Ban quản trị Hợp tác xã (HTX) K xác nhận nhất trí cho ông M mượn để trồng rừng. Tại thời điểm này ông M phát một phần thực bì và mới chỉ trồng được một số cây. Ngày 16/12/2002 ông M làm đơn xin giao đất lâm nghiệp và được Trưởng thôn K, UBND xã S chấp thuận nên gia đình ông M tiến hành khai hoang toàn bộ 02 đồi đất và trồng tràm. Do trâu bò phá nên ông M chỉ trồng được đồi dưới (*diện tích 15.458m² thuộc thửa số 05*), phát thực bì đồi trên trồng tràm (*diện tích 11.694m² thuộc thửa số 06*) nhưng trâu bò phá nên tràm không sống được.

Tháng 3/2005, một số người thấy anh em ông T, ông Mùi phát cây trên đồi đất của gia đình ông M nên báo cho ông M biết. Gia đình ông M ra ngăn cản và sau đó gửi đơn yêu cầu UBND xã giải quyết. Ngày 22/3/2005, ông Trần Xuân Phát là cán bộ địa chính và ông Trần Văn Đạt là Trưởng thôn K tiến hành hòa giải giữa hai hộ Trịnh Vũ M và Trịnh Văn T, tại buổi hòa giải ông Phát nói: *“Hai hộ gia đình sử dụng đất đúng như diện tích ghi trong đơn đã được xã xác nhận cấp đất”*, ông M thấy mình sử dụng 02 đồi đất có diện tích đất gần 3ha là đúng với đơn xin đất của ông M đã được các cấp đồng ý nên ông M ký vào biên bản. Sau đó, anh em ông T không còn có ý kiến gì.

Tháng 8, tháng 9/2005, vợ chồng ông M tiếp tục phát thực bì và thuê người trồng tràm trên toàn bộ diện tích 11.694m² thuộc thửa đất số 06.

Năm 2012, ông M làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ngày 29/11/2012, UBND huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất có tổng diện tích 27.152 m² thuộc 02 đồi đất cho gia đình ông M, trong đó Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 061607 có diện tích 11.694,0m² tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44.

Năm 2013, ông M tiến hành khai thác đối với đồi đất có diện tích 11.694m², thì xảy ra tranh chấp với ông Trịnh Văn M, ông Trịnh Văn T, ông Trịnh Văn Phương, ông Trịnh Văn Long, ông Trịnh Văn Dân nên vợ chồng ông M đã gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp tài sản trên đất và yêu cầu xác định ông Trịnh Vũ M và Nguyễn Thị C có quyền sử dụng diện tích 11.694m² tại thửa số 06, tờ bản đồ số 44; tuy nhiên, thấy không cần thiết nên ông M đã rút yêu cầu này mà chỉ yêu cầu xác định tài sản trên đất. Trong quá

trình Tòa án giải quyết thì UBND huyện A thu hồi và hủy bỏ giá trị pháp lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 061607 vì lý do đất đang còn tranh chấp.

- Thứ hai: Tại Kết luận số 527/KL-UBND ngày 15/5/2018 của UBND huyện A thể hiện nội dung:

+ “*Kết quả đối thoại: Ông Nguyễn Minh Chơn, Trần Văn Đạt, Trần Quốc Trí, Hồ Ngọc Thanh, Phan Thanh Tý, Nguyễn Viết Cường từng là cán bộ HTX, Trưởng thôn, Chủ tịch UBND xã qua các thời kỳ, người từng sinh sống và sản xuất cùng thời điểm với các hộ tranh chấp đã khẳng định: Thửa đất tranh chấp giữa anh em ông Trịnh Văn T và ông Trịnh Vũ M là một đôi đất độc lập nằm phía trên hồ K gần với địa phận xã Gio Bình, trước đây là đôi đất hoang hóa chưa ai sử dụng. Năm 2002, HTX, Thôn, UBND xã đã đồng ý cho ông Trịnh Vũ M khai hoang trồng rừng. Năm 2005, cán bộ địa chính thiếu kiểm tra nên tham mưu cho UBND xã xác nhận cho ông Trịnh Văn T có một phần chồng lên phần diện tích mà trước đó ông M đã sử dụng, nên đã dẫn đến tranh chấp. Vì vậy, đề nghị Tổ thẩm tra, xác minh căn cứ nguồn gốc sử dụng đất, pháp luật Đất đai để giải quyết dứt điểm, ổn định đời sống cho nhân dân. Tại buổi đối thoại ông Trần Xuân Phát nguyên cán bộ địa chính xã cũng thừa nhận thiếu sót trong quá trình xem xét nội dung đơn xin giao đất, kiểm tra thực địa, xác định nguồn gốc các thửa đất; chính vì vậy, mà tham mưu cho UBND xã xác nhận giao đất cho ông T có một phần diện tích chồng lên một phần diện tích mà trước đó ông M đã sử dụng. Nhận thấy, do sai sót của mình ông Phát đã chủ động hòa giải nhiều lần nhưng hai bên đều không nhất trí.*

+ Căn cứ kết quả xác minh và đối chiếu với các quy định của Luật Đất đai, nhận thấy: Thửa đất tranh chấp là một đôi đảo độc lập nằm trong một phần thửa đất số 03 nay là thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44 có bốn cạnh giáp với Hồ K, diện tích 11.694,0m² (theo bản đồ địa chính xã S được Trung tâm kỹ thuật địa chính đo đạc năm 1999, tỷ lệ 1/2000). Đây là một trong 02 đôi đảo mà tháng 3/2002 ông Trịnh Vũ M có đơn xin và được Hợp tác xã K xác nhận cho mượn khai hoang sản xuất. Tháng 12/2002, Trưởng thôn K và UBND xã S ký đơn cho khai hoang trồng rừng với diện tích 30.000m² nhưng không xác định rõ vị trí thông tin thửa đất. Ngày 04/01/2005, UBND xã S đã tiếp nhận đơn xin đất trồng rừng của ông Trịnh Văn T trú tại Thôn K, xã S ở thửa đất số 03, tờ bản đồ 44, nhưng không kiểm tra thực địa và nguồn gốc thửa đất, nên đã xác nhận vào đơn sai với diện tích và vị trí hiện trạng thửa đất (diện tích thực tế là 15.776m² nhưng xác nhận 50.000m²), trong đó có 11.694m² là một phần diện tích mà trước đó ông Trịnh Vũ M đã xin và sử dụng, mà chưa có Quyết định thu hồi đất là trái với quy định tại Điều 32, Điều 38 Luật Đất đai năm 2003.

+ Nội dung ông Trịnh Văn M (đại diện hợp pháp cho ông Trịnh Văn T) phản ánh về việc năm 2012 UBND xã S đã ký xác nhận đề nghị UBND huyện A cấp giấy CNQSD đất cho ông Trịnh Vũ M và bà Nguyễn Thị C chồng lên diện tích 01 ha đất rừng của ông, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông là chưa đủ căn cứ”.

- *Thứ ba:* Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện A và Bản án dân sự phúc thẩm số 12/2020/DS-PT ngày 26/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, khẳng định:

+ Xác định nguồn gốc đất: Ông Trịnh Vũ M có đơn xin vào năm 2002, được chính quyền địa phương đồng ý giao đất sử dụng vào năm 2002; xác định cây tràm hiện có trên đất là do gia đình ông Trịnh Vũ M trồng và quyết định công nhận quyền sở hữu của ông Trịnh Vũ M và bà Nguyễn Thị C đối với toàn bộ cây tràm trên diện tích đất 11.694,0m² tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44 ở Thôn K, xã S, huyện A, tỉnh Quảng Trị.

+ Sau khi xét xử phúc thẩm bị đơn có đơn đề nghị người có thẩm quyền xem xét kháng nghị bản án phúc thẩm theo thủ tục giám đốc thẩm nhưng người có thẩm quyền đã có Thông báo ngày 25/01/2021 về việc không có căn cứ kháng nghị.

+ Hiện nay, ông M, bà Cúc đã khai thác cây tràm và tiếp tục trồng mới trên diện tích đất 11.694,0m² (*Quá trình xem xét thẩm định đo đạc được 11.227,6m²*) tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44.

Như vậy, khẳng định rằng: Năm 2002, ông M làm đơn xin 02 đồi đất khoảng 3 ha ở giữa Hồ chứa nước K để trồng tràm; đơn đã được các cấp chính quyền duyệt đồng ý giao đất cho ông M. Ông M, bà Cúc đã sử dụng liên tục cho đến nay. Ông Trịnh Văn T năm 2005 mới có đơn xin đất, đơn cũng có xác nhận của UBND xã với diện tích 50.000m² nhưng diện tích thực tế chỉ có 15.776m². Như vậy, đơn xin đất của ông T và xác nhận không số liệu về diện tích đất 34.224m². Trong 15.776m² thì có 11.694,0 m² chồng lên diện tích của thửa đất 06, tờ bản đồ số 44 mà ông M đã xin vào năm 2002 và đang sử dụng. Thực tế diện tích đất mà anh em ông T khai hoang là phần eo nhỏ gần với thửa đất 06, tờ bản đồ số 44. Ông Trịnh Văn T, bà Nguyễn Thị T không có quyền gì đối với diện tích đất 11.227,6m² tại thửa đất 06, tờ bản đồ số 44 mà ông M, bà Cúc đang sử dụng.

Do đó, bị đơn bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời yêu cầu Tòa án xác định quyền sử dụng diện tích 11.227,6m², thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44, địa chỉ thửa đất: xã S, huyện A, tỉnh Quảng Trị, vị trí thửa đất: phía Đông giáp mặt hồ K, phía Tây giáp mặt hồ K, phía Nam giáp mặt hồ K và phía Bắc giáp đất UBND xã quản lý là của ông Trịnh Vũ M và bà Nguyễn Thị C.

Tại Công văn số 70a/CV-UBND ngày 06/9/2022, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã S trình bày:

Ngày 16/12/2002, ông Trịnh Vũ M làm đơn xin giao đất Lâm nghiệp với diện tích 30.000m² tại hai đồi giữa hồ Thôn K, xã S được Trưởng thôn K xác nhận; trên cơ sở đó ông Hồ Ngọc Thanh Chủ tịch UBND xã ký xác nhận vào ngày 20/12/2002.

Ngày 01/01/2005, ông Trịnh Văn T làm đơn xin giao đất lâm nghiệp với diện tích 50.000m² được ông Trần Quốc Trí chủ tịch UBND xã S ký xác nhận vào ngày 04/01/2005.

Tại thời điểm ký xác nhận của hai hồ sơ trên, hai chủ tịch của UBND xã S hai nhiệm kỳ khác nhau xác nhận, trên cơ sở tham mưu của cán bộ địa chính xã. Khi ký xác nhận đơn xin giao đất cho ông Trịnh Văn T do Chủ tịch xã nhiệm kỳ 2004- 2009 ký xác nhận không biết vùng đất đó đã được UBND xã nhiệm kỳ 1999- 2004 đã xác nhận vào đơn đơn xin giao đất lâm nghiệp cho ông Trịnh Vũ M.

Vậy, UBND xã S đề nghị Tòa án nhân dân huyện A xem xét giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Với những nội dung trên,

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2022/DS- ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Quảng Trị; đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 264 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 135; điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Văn T, bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu Tòa án buộc ông Trịnh Vũ M, bà Nguyễn Thị C di dời toàn bộ cây Tràm để trả lại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 44, diện tích 11.227,6m², địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện A, tỉnh Quảng Trị cho ông Trịnh Văn Thừa, bà Nguyễn Thị T.

- Công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của ông Trịnh Vũ M và bà Nguyễn Thị C đối với diện tích 11.227,6m² tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44, địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã S, huyện A, tỉnh Quảng Trị, vị trí thửa đất: phía Đông giáp mặt hồ K, phía Tây giáp mặt hồ K, phía Nam giáp mặt hồ K và phía Bắc giáp đất UBND xã S quản lý (có sơ đồ kèm theo).

Ông Trịnh Vũ M và bà Nguyễn Thị C liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 10/12/2022, nguyên đơn ông Trịnh Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Bản án sơ thẩm giải quyết không khách quan và không đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không rút kháng cáo. Nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 22/2022/DS- ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Quảng Trị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Vắng mặt đương sự: Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã S, huyện A, tỉnh Quảng Trị có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn di dời tài sản trên đất để trả lại cho nguyên đơn quyền sử dụng diện tích 11.227,6m² đất, thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44 tại Thôn K, xã S, huyện A; do đó Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” để giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn:

Xem xét nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 44, diện tích 11.227,6m², địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện A, tỉnh Quảng Trị được ông Trịnh Vũ M và bà Nguyễn Thị C khai hoang sử dụng trong diện tích 30.000m² từ năm 2002. Ngày 16/12/2002, ông M làm đơn xin giao đất lâm nghiệp và được UBND xã S xác nhận vào ngày 20/12/2002.

Ngày 04/01/2005, UBND xã S xác nhận vào đơn xin đất trồng rừng của ông Trịnh Văn T và bà Nguyễn Thị C tại thửa đất số 03, tờ bản đồ số 44, diện tích 50.000m².

Tại Kết luận số 527/KL-UBND ngày 15/5/2018 của UBND huyện A đã xác định: Ngày 04/01/2005, UBND xã S xác nhận vào đơn xin giao đất trồng rừng của ông Trịnh Văn T sai với diện tích và vị trí hiện trạng thửa đất, trong đó có 11.694m² là một phần diện tích mà trước đó ông Trịnh Vũ M đã xin và sử dụng, mà chưa có quyết định thu hồi đất là trái với quy định tại Điều 32, 38 Luật đất đai 2003.

Lời trình bày của ông Trần Quốc Trí- nguyên Chủ tịch UBND xã S giai đoạn 2004- 2010: Khi ký xác nhận vào đơn của ông Trịnh Văn T, ông Trí không biết khu vực đất này do ông M sử dụng trước đó và đã được Chủ tịch UBND xã nhiệm kỳ trước ký xác nhận giao đất.

Bản án dân sự phúc thẩm số 12/2020/DS-PT ngày 26/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị (*đã có hiệu lực pháp luật*) lập luận: Có đủ cơ sở xác định việc ông M, bà Cúc được UBND xã S giao đất sử dụng từ năm 2002 và đã quyết định: Công nhận quyền sở hữu của ông Trịnh Vũ M và bà Nguyễn Thị C đối với toàn bộ cây tràm trên diện tích đất 11.694,0m² tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44 ở Thôn K, xã S, huyện A, tỉnh Quảng Trị.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định nguồn gốc diện tích 11.227,6m² đất thửa số 6, tờ bản đồ số 44 tại Thôn K, xã S, huyện A là của ông Trịnh Vũ M, bà Nguyễn

Thị C khai hoang và được UBND xã S giao đất từ năm 2002. Ông M và bà Cúc sử dụng diện tích đất này để trồng cây tràm liên tục từ đó cho đến nay. Năm 2005, UBND xã S xác nhận vào đơn xin đất trồng rừng của ông Trịnh Văn T và bà Nguyễn Thị C là cấp chồng lên một phần diện tích đất đã giao cho ông M. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp cho ông Trịnh Văn T, bà Nguyễn Thị C là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trịnh Văn T; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 135; điểm b khoản 2 Điều 203 của Luật đất đai;

- Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điều 296; Điều 147; Điều 148 và khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Văn T, bà Nguyễn Thị T về việc buộc ông Trịnh Văn T, bà Nguyễn Thị C di dời toàn bộ cây tràm để trả lại diện tích 11.227,6m² đất tại thửa số 06, tờ bản đồ số 44, địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện A, tỉnh Quảng Trị cho ông Trịnh Văn T, bà Nguyễn Thị T.

2. Công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của ông Trịnh Văn T và bà Nguyễn Thị C đối với diện tích 11.227,6m² tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44, địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã S, huyện A, tỉnh Quảng Trị, có vị trí: phía Đông giáp đất hồ K có cạnh 49m; phía Tây giáp đất hồ K có cạnh 17,77m+ 10,70m +19,70m +13,87m +25,46m+ 14,58m+ 33,50m+ 22,76m+ 15,19m+ 13,73m; phía Nam giáp đất hồ K có cạnh 13,53m+ 15,78m+ 32,24m và phía Bắc giáp đất hồ K có cạnh 24,20m+ 32,55m+ 56,29m+ 35,01m+ 23,71m.

(Kèm theo sơ đồ thửa đất ngày 04/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện A).

Ông Trịnh Văn T và bà Nguyễn Thị C liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

3. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

3.1. Án phí:

- Ông Trịnh Văn T và bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp

300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số CC/2021/0000023 ngày 15/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Quảng Trị (ông T và bà T đã nộp đủ).

- Ông Trịnh Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000014 ngày 26/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Quảng Trị (ông T đã nộp đủ).

3.2. Chi phí tố tụng khác: Ông Trịnh Văn T và bà Nguyễn Thị T phải chịu 4.439.000 đồng (ông T và bà T đã nộp đủ).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND huyện A;
- VKSND huyện A;
- CCTHADS huyện A;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Lưu: HSVA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Thị Kim Thương

